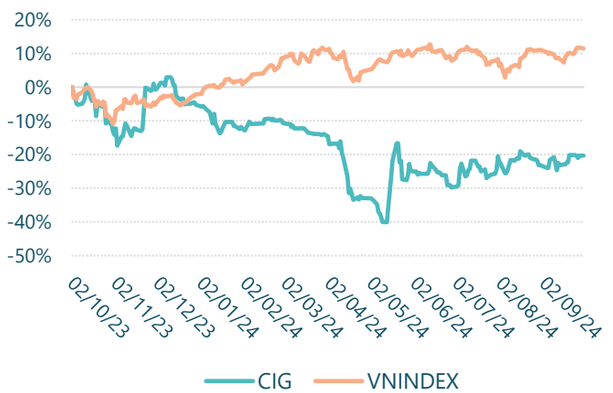
CTCP COMA 18 (HSX: CIG)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	5,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.6%	**12.4%**	**-4.0%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,100 - 7,040
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	172
Số lượng CPLH (CP)	31,539,947
KLGD BQ 20 phiên (CP)	80,415
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.95
EPS	
P/E	

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

10.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼41.0 | -79.6%

YoY: ▲ 5.56 | 112%

Nợ/VCSH

Q3/24

426%

YoY: +/-▲ 56.2%

LN gộp

Q3/24

2.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.0 | -85.5%

YoY: ▲ 0.49 | 28.2%

ROE (TTM)

Q3/24

LN trước thuế

Q3/24

1.18

tỷ VNĐ

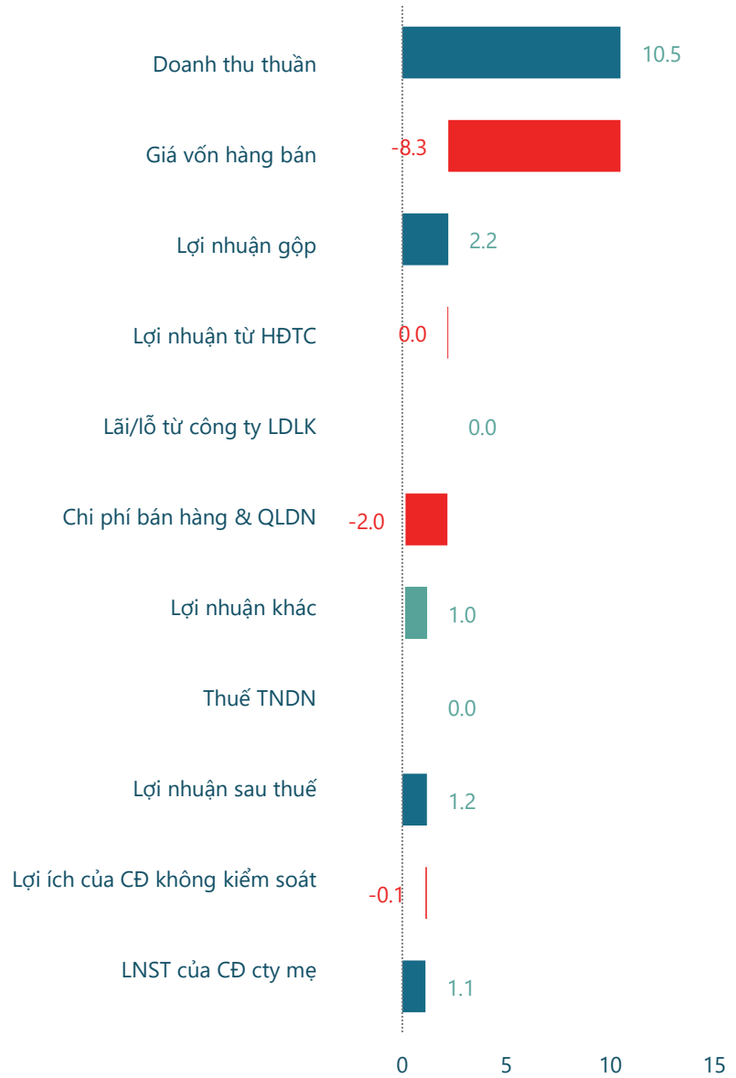
QoQ: ▼0.97 | -45.2%

YoY: ▲ 1.26 | 1572%

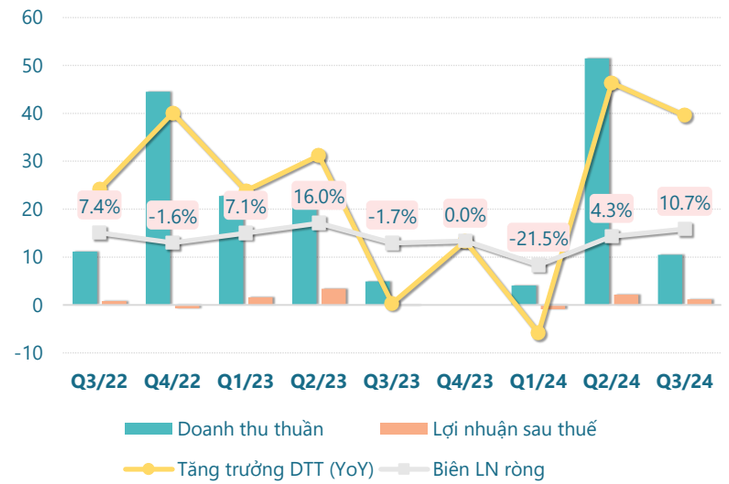
ROA (TTM)

Q3/24

Kết quả kinh doanh Q3/24



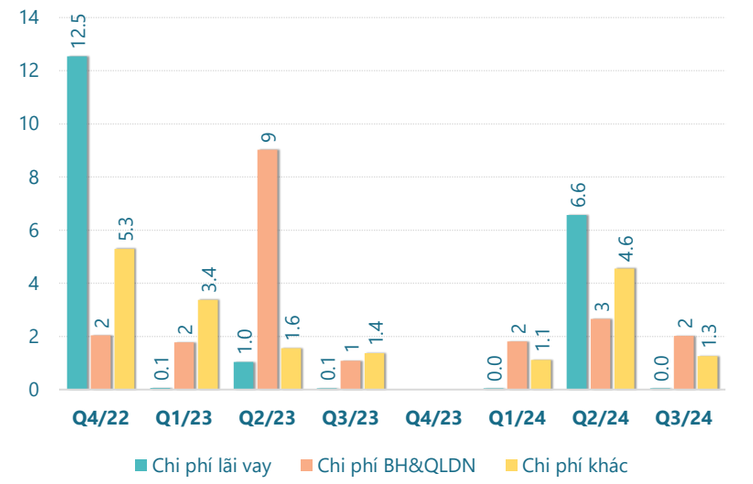
Kết quả kinh doanh



Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.15 tỷ đồng**, giảm đi 97.5% so với kỳ trước và thấp hơn 74.1% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.04 tỷ đồng** tăng thêm 6.53 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 1.03 tỷ đồng**, tăng thêm 4.82 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 1.69 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

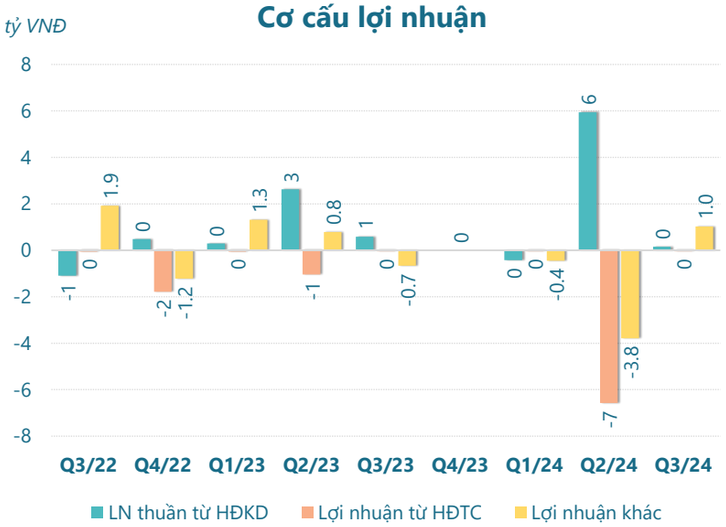
Cơ cấu chi phí



Kết quả kinh doanh của **CIG** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **10.48 tỷ đồng** tăng thêm **112%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.18 tỷ đồng**, **tăng thêm 1.26 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **66.00 tỷ đồng** cao hơn 34.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 2.00 tỷ đồng** thấp hơn 60.0% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.05 tỷ đồng** giảm đi 99.2% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **2.02 tỷ đồng** giảm đi 24.1% so với kỳ trước và cao hơn 85.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **1.26 tỷ đồng** giảm đi 72.3% so với kỳ trước và thấp hơn 8.03% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP COMA 18 (HSX: CIG)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10.5**	**51.5**	**-79.6%**	**4.94**	**112%**	**66.0**	**49.0**	**34.7%**
Giá vốn hàng bán	8.28	36.3	-77.2%	3.22	157%	47.2	32.5	45.4%
Lợi nhuận gộp	2.21	15.2	-85.5%	1.72	28.2%	18.8	16.5	13.7%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.00		0.01	0.00	2247%
Chi phí TC	0.05	6.57	-99.3%	0.05	-7.9%	6.67	1.16	475%
Chi phí lãi vay	0.05	6.57	-99.3%	0.05	-7.9%	6.66	1.16	475%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.05	0.22	-77.0%	0.00		0.27	0	
Chi phí QLDN	**1.96**	**2.44**	**-19.5%**	**1.09**	**80.3%**	**6.22**	**11.9**	**-47.7%**
LN thuần từ HĐKD	0.15	5.94	-97.5%	0.58	-74.2%	5.67	3.50	61.8%
Lợi nhuận khác	**1.03**	**-3.79**	**127%**	**-0.66**	**256%**	**-3.20**	**1.43**	**-324%**
LN trước thuế	1.18	2.15	-45.2%	-0.08	1572%	2.46	4.93	-50.1%
Lợi nhuận sau thuế	**1.18**	**2.13**	**-44.7%**	**-0.08**	**1572%**	**2.44**	**4.93**	**-50.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.12**	**2.20**	**-49.2%**	**-0.08**	**1498%**	**2.45**	**4.94**	**-50.3%**

